

Số: 1560/KH-UBND

Gia Lai, ngày 23 tháng 6 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025**

#### **I. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

*Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quyết định phê duyệt Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025”;*

*Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam”;*

*Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;*

*Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;*

*Quyết định số 4944/QĐ-BYT, ngày 27/11/2014 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng;*

*Quyết định 1294/QĐ-BYT ngày 19/5/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2025.*

*Quyết định 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Kế hoạch số 2059/KH-UBND ngày 13/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo tỉnh Gia Lai.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

**Mục tiêu 1:** Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

**Mục tiêu 2:** Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và bà mẹ cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

**Mục tiêu 3:** Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo.

### 3. Chỉ tiêu theo từng mục tiêu cụ thể đến năm 2025

**a) Mục tiêu cụ thể 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.**

#### Các chỉ tiêu:

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo xuống dưới 23%.

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn huyện nghèo xuống dưới 5%.

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em từ trên 5-16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo xuống dưới 34%.

**b) Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và bà mẹ cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.**

#### Các chỉ tiêu:

+ Trên 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

+ Trên 80% phụ nữ có thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

+ Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo lần lượt giảm xuống dưới 20% và dưới 30%.<sup>1</sup>

+ Giảm tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo lần lượt giảm xuống dưới 60% và dưới 70%.<sup>2</sup>

**c) Mục tiêu cụ thể 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo.**

**Các chỉ tiêu:**

+ Tăng tỷ lệ trẻ em 6-23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, ăn bổ sung đúng, đủ lên 50%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp sinh sống trên địa bàn huyện nghèo đạt 80%.

**III. ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ TRỰC TIẾP**

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo (Huyện Kông Chro).

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo (Huyện Kông Chro).

**IV. PHẠM VI THỰC HIỆN**

Thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Gia Lai, trọng tâm là huyện nghèo Kông Chro (theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025).

**V. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ**

- Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Trường hợp đối tượng, nội dung hỗ trợ trùng lặp với chương trình, dự án khác có nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước thì chỉ lựa chọn thực hiện theo 01 chương trình, dự án; trong đó ưu tiên lựa chọn thực hiện theo chương trình, dự án có định mức hỗ trợ cao hơn.

**VI. PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ**

- Hỗ trợ can thiệp trực tiếp đối tượng phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng (cung cấp gói tư vấn dinh dưỡng, đa vi chất, sản phẩm dinh dưỡng..., quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng...).

<sup>1</sup> Chỉ số Trung ương triển khai, tỉnh cập nhật theo dõi

<sup>2</sup> Chỉ số Trung ương triển khai, tỉnh cập nhật theo dõi

- Hỗ trợ can thiệp trực tiếp trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) cải thiện bữa ăn học đường, theo dõi tình trạng dinh dưỡng định kỳ và tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng...

- Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hành vi của các đối tượng thông qua việc tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, cho con bú và trẻ em 0-16 tuổi.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản; tăng cường nguồn lực và phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng và theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình.

## VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí bố trí cho Tiểu dự án 2 “cải thiện dinh dưỡng” của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*có chi tiết kinh phí kèm theo*) như sau:

+ Năm 2023: 615.000.000 đồng

+ Năm 2024: 676.500.000 đồng

+ Năm 2025: 744.150.000 đồng

- Ngoài ra khi triển khai các nội dung của Tiểu dự án 2 “cải thiện dinh dưỡng” của Dự án 3 thì phối hợp thực hiện các hoạt động từ nguồn kinh phí bố trí cho Dự án 6 (Hoạt động truyền thông) và Dự án 7 (Hoạt động giám sát) của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai được cấp thẩm quyền giao vốn cho ngành y tế (*Có chi tiết kinh phí kèm theo*).

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

## VIII. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN DINH DƯỠNG

### 1. Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em 0 - 16 tuổi

a) *Cung cấp gói dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi.*

Thực hiện theo Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam”.

b) *Cung cấp viên sắt cho trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ có thai/vi chất dinh dưỡng.*

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban

hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

*c) Bổ sung viên nang Vitamin A cho trẻ em 6 đến 60 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong vòng 1 tháng sau sinh.*

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

*d) Bổ sung kẽm cho trẻ em bị tiêu chảy cấp*

- Số lượng bổ sung: Sử dụng viên 20 mg kẽm nguyên tố hoặc dạng hỗn dịch, sirô 5ml chứa 10mg kẽm

+ Trẻ em < 6 tháng tuổi: 10 mg/ngày x 14 ngày.

+ Trẻ em ≥ 6 tháng tuổi: 20 mg/ngày x 14 ngày.

- Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và Quyết định số 4121/QĐ-BYT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Tài liệu hướng dẫn xử trí tiêu chảy ở trẻ em.

*e) Hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng*

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi bổ sung vào bữa ăn cho trẻ.

+ Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo Tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế. Hàm lượng các vi chất dinh dưỡng đảm bảo theo hướng dẫn nêu trên và các văn bản hiện hành (nếu có).

+ Kết hợp tư vấn, hướng dẫn sử dụng tại hộ gia đình. Theo dõi, giám sát và báo cáo theo quy định.

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ học đường bị suy dinh dưỡng: Các trường tổ chức đánh giá tình trạng dinh dưỡng định kỳ để phát hiện trẻ bị suy dinh dưỡng, lập danh sách và cấp sản phẩm dinh dưỡng theo đợt. Tổ chức sử dụng sản phẩm dinh dưỡng tại trường, có theo dõi giám sát và báo cáo theo quy định. Nội dung này lồng ghép vào chương trình dinh dưỡng học đường do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

*g) Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng.*

Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng.

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo Hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán về điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

*h) Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai:*

Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi, phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai 2 lần/năm.

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo Quyết định số 3893/QĐ-BYT ngày 11 tháng 10 năm 2007 của Bộ Y tế về hướng dẫn Bổ sung Vitamin A cho trẻ từ 6 đến 60 tháng tuổi kết hợp tẩy giun đường ruột cho trẻ 12 đến 60 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

*i) Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.*

Số lượng sản phẩm dinh dưỡng: Theo nhu cầu thực tế của địa phương.

Quy trình thực hiện: theo Hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị và ứng phó về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

Hàng năm, đơn vị xây dựng kế hoạch ứng phó về dinh dưỡng với khẩn cấp hoặc lồng ghép trong kế hoạch ứng phó về thiên tai thảm họa của tỉnh, trong đó có dự trữ các nguồn sản phẩm dinh dưỡng và tổ chức đấu thầu mua dự trữ trước khi khẩn cấp xảy ra. Triển khai các hoạt động ứng phó và có kế hoạch đưa vào sử dụng sản phẩm nếu không có tình huống khẩn cấp xảy ra, xử lý sản phẩm dự trữ nếu không được sử dụng. Theo dõi, giám sát và báo cáo theo quy định.

*k) Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú, tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại các trạm y tế xã/phường, thôn bản.*

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 07 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29 tháng 04 năm 2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế (và các văn bản cập nhật nếu có) và các hướng dẫn khác của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

*l) Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú.*

Phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế, lập kế hoạch, tập huấn cho các cán bộ triển khai dự án về tổ chức bữa ăn học đường, các kiến thức và kỹ năng giáo dục dinh dưỡng học đường, đẩy mạnh chất lượng giáo dục dinh dưỡng chính khóa và các hình thức ngoại khóa phù hợp với điều kiện địa phương. Nhân viên y tế có vai trò tham gia hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động cho các trường học triển khai bữa ăn bán trú và công tác giáo dục dinh dưỡng trong trường học, phối hợp với giáo dục dinh dưỡng tại gia đình. Triển khai mô hình đào tạo nguồn thực phẩm tại chỗ ở địa phương trong các dự án thành phần khác của Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nếu có, tạo nên kết nối hài hòa của hệ thống thực phẩm.

*m) Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học.*

Quy trình thực hiện: Theo các hướng dẫn hiện hành của ngành y tế và giáo dục. Thông tư số 23/2017/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; Tài liệu hướng dẫn công tác y tế trường học ban hành theo quyết định số 3822/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp giữa ngành giáo dục và y tế, lập kế hoạch và tập huấn cho cán bộ, nhân viên triển khai dự án về dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý, các kiến thức và kỹ năng cần thiết để triển khai hoạt động. Ngành y tế tham gia với vai trò hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động. Các cơ sở giáo dục tổ chức các hình thức tư vấn phù hợp, lồng ghép với chăm sóc y tế học đường. Tạo điều kiện cơ sở vật chất để học sinh có thể thực hành dinh dưỡng và thể lực hợp lý.

*n) Tổ chức khảo sát theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch.*

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế (Tùy theo thực tế có thể bao gồm cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật...)

*p) Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện, xã và thôn bản, cung cấp các vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, tài liệu để triển khai các hoạt động can thiệp tại cộng đồng.*

*q) Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em.*

- Tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến xã và thôn bản về hướng dẫn triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng.

- Tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tại các tuyến về hướng dẫn hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo về nâng cao năng lực cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ giảm nghèo, cán bộ nông nghiệp, phụ nữ về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em 0 - 16 tuổi.

- Tuyên tỉnh đăng ký tham gia các lớp TOT do Dự án Trung ương tổ chức.

## **2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng**

- Biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, pano, internet mạng xã hội, phần mềm công nghệ số.

- Tập huấn về kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ trẻ em cấp huyện/xã/thôn/bản.

- Tổ chức các buổi truyền thông tại thôn/bản/xã trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng, dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ Y tế hằng năm.

## **3. Hoạt động về kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện**

- Thực hiện theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Đơn vị tuyến tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã, phường và thôn, bản.

- Tuyên huyện lập kế hoạch thu thập các thông tin để khảo sát, đánh giá đầu vào cho các xã can thiệp (xem các chỉ số cần thu thập và đánh giá ở Phụ lục 1). Hằng năm có khảo sát, đánh giá lại và khảo sát, đánh giá cuối kỳ.

- Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động (Phụ lục 2) cho tuyến trên theo quy định.

- Báo cáo về nguồn vốn được tiếp nhận, huy động các nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho chương trình.

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Y tế**

- Chịu trách nhiệm chính tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, hằng năm xây dựng Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, gửi UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.



- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện nội dung của Kế hoạch; hướng dẫn các địa phương lồng ghép việc thực hiện các hoạt động liên quan trên cùng địa bàn.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

## **2. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan, căn cứ kế hoạch hoạt động, kinh phí được phân bổ, tổ chức thẩm định, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách hằng năm cho các đơn vị để triển khai thực hiện theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện kinh phí đúng mục tiêu, có hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với các ngành liên quan lồng ghép chỉ tiêu thực hiện kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm, hằng năm; tổ chức vận động, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) thực hiện Kế hoạch.

## **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh; chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động tại trường học (bữa ăn học đường, theo dõi đánh giá dinh dưỡng, giáo dục dinh dưỡng, tư vấn và hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng).

## **5. Các sở, ngành và đoàn thể có liên quan: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế để nghiên cứu lồng ghép nội dung kế hoạch với các chương trình, dự án khác do cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm phổ biến các chủ trương, chính sách của Kế hoạch.

## **6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế tại địa phương, xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng lợi, hoạt động không trùng với các nội dung hoạt động của các dự án khác, đạt mục tiêu và hiệu quả, đúng quy định. Thực hiện kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện hoạt động theo định kỳ, đột xuất.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Định kỳ trước ngày 20/11 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

Quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các sở, ngành, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./. *Ntran*

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh VP, PCVP Hoài;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Báo cáo



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Thị Thanh Lịch**

**Phụ lục 1**  
**CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI THIỆN DINH DƯỠNG**

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
<b>Mục tiêu cụ thể 1</b>	Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.	% suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	Dưới 34%	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng thấp còi): Là tỷ lệ phần trăm trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng
		% suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	Dưới 5%	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao (suy dinh dưỡng gầy còm): Là tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có cân nặng theo chiều cao thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được cân đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng
		% suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ học	Dưới 34%	Tỷ lệ trẻ học đường 5-16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng thấp còi): Là tỷ lệ phần trăm trẻ em 5-16 tuổi có	Điều tra giám sát dinh dưỡng	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
		đường 5-16 tuổi		chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em 5-16 tuổi được đo	hàng năm.		
<b>Mục tiêu cụ thể 2</b>	Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh; trẻ em, phụ nữ mang thai và bà mẹ cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.	% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Trên 80%	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng trên tổng số trẻ SDD cùng đối tượng quản lý	Báo cáo hàng năm	Sở Y tế	
		% phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất	Trên 80%	Tỷ lệ phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh trên tổng số phụ nữ mang thai cùng đối tượng quản lý.	Báo cáo hàng năm	Sở Y tế	
		% thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ	Dưới 20% và dưới 30%	Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, giảm xuống trên tổng số đối tượng quản	Đánh giá cuối kỳ	Viện Dinh dưỡng	

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
		nữ mang thai		lý.			
		% thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ mang thai.	Dưới 60% và dưới 70%	Tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, trên tổng số đối tượng quản lý.	Đánh giá cuối kỳ	Viện Dinh dưỡng	
<b>Mục tiêu cụ thể 3</b>	Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo.	% trẻ em 6-23 tháng tuổi ăn bổ sung đúng, đủ	Đạt 50%	Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng sinh sống trên địa bàn huyện nghèo được ăn đa dạng (bằng hoặc nhiều hơn 5/8 nhóm thực phẩm theo WHO) và ăn đủ bữa trong độ tuổi của trẻ trong ngày hôm trước trên tổng số trẻ 6-23 tuổi quản lý.	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng
		% hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh	Trên 80%	Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
		dưỡng trong tình huống khẩn cấp					

**CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ HÀNG CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ**

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2025</b>
<b>1</b>	Giảm % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi <sup>3</sup>	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Giảm 1% so với 2022	Giảm 2% so với 2023	Giảm 2% so với 2024
<b>2</b>	Giảm % suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Giảm 1% so với 2022	Giảm 2% so với 2023	Giảm 2% so với 2024
<b>3</b>	Giảm % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ học đường 5-16 tuổi	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Giảm 1% so với 2022	Giảm 2% so với 2023	Giảm 2% so với 2024
<b>4</b>	Tăng % trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Đạt độ bao phủ tối thiểu 60%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%
<b>5</b>	Tăng % phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất trên địa bàn huyện nghèo được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Đạt độ bao phủ tối thiểu 60%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%
<b>6</b>	Tăng % trẻ em 6-23 tháng ăn bổ sung đúng, đủ trên địa bàn huyện nghèo trong tình huống khẩn cấp.	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Tăng 5% so với 2022	Tăng 7 - 10% so với 2022	Tăng 7 - 10% so với 2022
<b>7</b>	% hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn huyện nghèo.	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện xã can thiệp	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%

<sup>3</sup> Năm 2022: Số liệu TTYT các huyện/thành phố báo cáo

## Phụ lục 2 (Biểu số 7)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcTHÔNG TIN GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CẢI THIỆN DINH DƯỠNG THUỘC TIÊU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 3  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Loại hoạt động (theo nội dung hỗ trợ của Tiêu dự án)	Nội dung (các nội dung hỗ trợ theo từng hoạt động của Tiêu dự án)	Cấp thực hiện	Tổng vốn (triệu đồng)	Trong đó			Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống SDD, thiếu VCDD cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo						Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu VCDD; bảo vệ chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi)				Kết quả thực hiện					
					NSTW	NSDP	Huy động			Số trẻ em dưới 5 tuổi được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số phụ nữ có thai được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Số bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai được tư vấn dinh dưỡng	Số trẻ được theo dõi và quản lý SDD cấp tỉnh tại CD	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ được tư vấn dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ SDD được bổ sung đa VCDD	Trong đó số trẻ em gái	Tỷ lệ SDD trẻ dưới 5 tuổi thể thấp còi		Tỷ lệ SDD trẻ dưới 5 tuổi thể gầy còm		Tỷ lệ SDD trẻ từ trên 5 tuổi đến dưới 16 tuổi thể thấp còi	
																				Cuối kỳ	Chênh so với đầu kỳ (tăng (+), giảm (-))	Cuối kỳ	Chênh so với đầu kỳ (tăng (+), giảm (-))	Cuối kỳ	Chênh so với đầu kỳ (tăng (+), giảm (-))
A	B	C	E	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	<b>TỔNG CỘNG</b>																								

..... Ngày ..... tháng ..... năm.....

Thủ trưởng cơ quan  
(ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: - Biểu mẫu này do cấp xã lập trên cơ sở thông tin từ các hoạt động hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng

- Khi cấp huyện tổng hợp thì bổ sung thêm cột “tên xã” và thêm dòng “tổng cộng” toàn huyện

- Khi cấp tỉnh tổng hợp từ cấp huyện thì bổ sung thêm cột “huyện” và thêm dòng “tổng cộng” cho toàn tỉnh